

Số: 55/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 5, ngày 14 tháng 03 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1962

Địa chỉ: **Số B Lầu B T, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bà **Trần Phương D**, sinh năm 1971

Địa chỉ: **Số B Lầu B T, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Văn P** và bà **Trần Phương D** qua thời gian tìm hiểu 01 (một) năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1992 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 1992 (Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/92 đăng ký ngày 05 tháng 03 năm 1992 tại **Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, trong quá trình chung sống ông bà không còn hòa hợp, không còn tình cảm. Cả hai đã cố gắng cùng nhau khắc phục sửa chữa nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên cả hai bên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn P và bà Trần Phương D không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 316/1992 đăng ký ngày 21/12/1992 tại Ủy ban nhân dân Phường A2, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là Nguyễn Thị Mai P1, giới tính nữ, sinh ngày 11/12/1992); Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 234/1994 đăng ký ngày 02/12/1994 tại Ủy ban nhân dân Phường A2, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là Nguyễn Thị Mai A, giới tính nữ, sinh ngày 26/11/1994).

Căn cứ vào xác nhận của ông Nguyễn Văn P và bà Trần Phương D thì ông bà có 02 (hai) người con chung có tên họ tên như trên.

Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Phương D xác nhận hai người con chung như trên đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp luật và hành vi dân sự, có khả năng lao động sống tự lập nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Phương D thống nhất tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Phương D thống nhất không có nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Văn P thuộc trường hợp được miễn lệ phí Tòa án, bà Trần Phương D chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Phương D thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyền số 01/92 đăng ký ngày 05 tháng 3 năm 1992 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Phương D có 02 (hai) người con chung, họ và tên: Nguyễn Thị Mai P1, sinh ngày 11/12/1992 và Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 26/11/1994.

Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Phương D xác nhận hai người con chung nêu trên đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp luật và hành vi dân sự, có khả năng lao động sống tự lập nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Phương D thống nhất tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung: Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Phương D thống nhất không có nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Phương D mỗi người chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà Trần Phương D được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0011102 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà Trần Phương D đã nộp đủ lệ phí. Ông Nguyễn Văn P đã trên 60 tuổi theo Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009 thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa